

Bản án số: 41/2021/HS-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TX, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Sỹ H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn B.
2. Ông Trần Ngọc Đ.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình T - Thư ký của TAND huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị V - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2021/TLST- HS ngày 06/9/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST- HS ngày 09/9/2021 đối với bị cáo:

1. Lê Thị H - sinh năm 1999 tại: xã TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá; Trú tại: thôn Hữu Lễ 1, xã TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị V; Có chồng là: Nguyễn Văn B và 01 con nhỏ.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Người bị hại: - Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1967(vắng mặt).
- Bà Trần Thị D – sinh năm 1968(vắng mặt).

Đều trú tại: khu 1, thị trấn TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 12/7/2021, Lê Thị H, trú tại thôn HL 1, xã TX, huyện TX, điều khiển xe mô tô BKS 36M1 – 049.43, chở theo con gái là Nguyễn Thị Huyền Tr sinh năm 2019, cùng hàng hóa đi từ nhà đến thị trấn huyện TX để giao hàng cho các

cửa hàng tạp hóa, đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày khi đi đến cửa hàng tạp hóa Hồng D của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị D ở khu 1, thị trấn TX; H để con gái ngồi một mình trên xe mô tô rồi đi vào cửa hàng tạp hóa. Khi đi vào đến cửa ra vào phòng khách tiếp giáp với gian bày hàng, H gọi chủ cửa hàng khoảng hai đến ba lần nhưng không ai trả lời nên quay ra. Khi quay ra Hưng nhìn thấy tại vị trí phía trên bao bì gạo có 01 chiếc túi xách màu rằn ri, túi không khóa, bên trong có 4.117.000 VNĐ (Bốn triệu một trăm mười bảy nghìn đồng) và 83 thẻ cào trị giá 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), H nảy sinh ý định trộm cắp, nên lấy túi rằn ri đeo vào người rồi nhanh chóng đi ra ngoài điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, do bị phát hiện về hành vi trộm cắp tài sản nên Lê Thị H đã đến Ban Công an thị trấn TX đầu thú về hành vi trộm cắp của mình và giao nộp 01 túi xách màu rằn ri, bên trong có số tiền 4.117.000 VNĐ và 83 thẻ cào điện thoại Viettel chưa sử dụng, có tổng mệnh giá 3.500.000đ. Sau đó Ban Công an thị trấn TX đã chuyển vụ việc trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TX để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 15/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TX đã ban hành Công văn số 341/CSĐT đề nghị cửa hàng Viettel chi nhánh huyện TX tra cứu xác minh tình trạng sử dụng của 83 thẻ cào điện thoại Viettel Lê Thị H đã trộm cắp và giao nộp Cơ quan Công an. Kết quả tra cứu xác định 83 thẻ cào trên còn nguyên giá trị sử dụng.

Ngày 15/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TX ra yêu cầu định giá tài sản số 19/CSĐT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TX định giá: 01 túi xách bằng vải, màu rằn ri (sọc xanh, đen, vàng), kích thước (27x17x6)cm, túi có dây đeo màu xanh và 83 thẻ cào điện thoại Viettel do Lê Thị H trộm cắp vào ngày 12/7/2021. Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL – HĐĐGTS ngày 15/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TX kết luận: Giá trị 01 túi xách bằng vải, màu rằn ri (sọc xanh, đen, vàng), kích thước (27x17x6)cm, túi có dây đeo màu xanh là 0 đồng; giá trị 83 thẻ cào điện thoại Viettel còn nguyên vẹn là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 17/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TX ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 69/CSĐT và số 70/CSĐT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định số tiền 4.117.000đ và giám định dữ liệu điện tử có trong USB nhãn hiệu Kingston được Công an thị trấn TX thu giữ, niêm phong trích xuất từ Camera an ninh quán tạp hóa nhà ông T và bà D vào ngày 12/7/2021. Tại bản kết luận số 2329/PC09 ngày 23/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Số tiền gửi trưng cầu giám định gồm 104 tờ tiền Polymer gửi giám định và 91 tờ tiền giấy là tiền thật. Ngày 09/8/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa ban hành kết luận số 2549/PC09 kết luận dữ liệu điện tử từ video gửi giám định không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép trong 02 tập video của USB gửi giám định.

*Vật chứng vụ án: 01 túi xách màu rằn ri; số tiền 4.117.000đ; 83 thẻ cào điện thoại Viettel chưa sử dụng, có tổng mệnh giá 3.500.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TX đã trả lại cho gia đình ông Tài, bà Duyên; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, màu đen BKS 36M1 – 049.43 đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác

định chiếc xe không liên quan đến hành vi trộm cắp của bị cáo nên đã trả lại cho gia đình bị cáo.

*Bồi thường dân sự: Người bị hại đã được nhận lại đầy đủ tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSTX ngày 06/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TX giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; Xử phạt Lê Thị H mức án từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo H phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào phòng nghị án:

Bị cáo rất hối hận về hành vi của bản thân, đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhân định như sau:

[1]*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]*Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án; Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của người bị hại và kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 12/7/2021, Lê Thị H lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của gia đình của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị D ở khu 1, thị trấn TX đã lén lút trộm cắp tài sản tại cửa

hàng tạp hóa của ông T, bà D các tài sản gồm: 01 túi xách màu rằn ri, bên trong có số tiền là 4.117.000đ và 83 thẻ cào điện thoại Viettel chưa sử dụng, có tổng mệnh giá là 3.500.000đ. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là: 7.617.000đ (Bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng). Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố đối với bị cáo Lê Thị H là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án thì thấy:

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Lê Thị H là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác, đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật Hình sự bảo vệ; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý đúng mức để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo Lê Thị H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi do mình đã gây ra.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Không

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khắc phục hậu quả; đầu thú về hành vi phạm tội của mình; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với bị cáo: Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, án phí mà đại diện Viện kiểm sát đã có ý kiến đề nghị. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt: Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ để bị cáo yên tâm cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện gạt bỏ lỗi lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện kinh tế của gia đình bị cáo thì thấy điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, bản thân không có công việc ổn định, lại đang nuôi con nhỏ, không có khả năng thi hành án. Do vậy không cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không đề nghị bị cáo bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

1.Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2.Xử phạt: Lê Thị H 08(Tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16(Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Lê Thị H cho UBND xã TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người bị hại được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện TX;
- Công an huyện TX;
- Chi cục THADS huyện TX;
- UBND xã TX;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Sỹ H

